TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2023/DSST.
Ngày: 28-6-2023.
V/v: TC HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH.

-***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/DSST ngày 01/11/2022 về việc:''Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07A/2023/QĐXXST-DS, ngày 28/4/2023

- Nguyên đơn: Ông Lại Tấn N, sinh năm 1970 và bà Đào Thị H, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Q; có mặt.

-Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị B (tên gọi khác: H), sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

-Người làm chứng: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 03/10/2020, Bà Hoàng Thị L vay của ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn (đi biển). Ngày 14/11/2020 bà L tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả. Ngày 21/12/2020 bà L có trả cho ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H 30.000.000 đồng tiền gốc; ngày 29/5/2021 bà L trả cho bà H 4.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền gốc còn lại chưa trả 116.000.000 đồng; bà L cho rằng đã trả thêm số tiền lãi 35.000.000 đồng là không đúng. Đến thời điểm hiện nay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Nay ông Lại Tấn N và bà Đào

Thị H khởi kiện yêu cầu bà L trả số nợ gốc chưa trả là 116.000.000 đồng; không tính lãi suất.

Trong bản khai bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày: Bà Hoàng Thị L và ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H không liên quan gì nhau. Nếu có liên quan về việc vay tiền thì bà Hoàng Thị L liên quan đến bà H (tức là bà Trần Thị B), vì bà Hoàng Thị L nhận tiền tại nhà bà H chứ không nhận tiền của ông N-bà H. Khi bà Hoàng Thị L nhận tiền xong thì bà H đưa cho bà Hoàng Thị L tờ giấy vay tiền ghi tên người cho vay là ông N-bà H. Bà Hoàng Thị L hỏi bà Hoài sao lấy tiền của bà H mà giấy vay của người khác, thì bà H trả lời với bà L đó là tiền của vợ chồng anh, chị ở Đ (ông N-bà L) bảo bà H đem về ngoài thôn để cho vay lấy lãi. Bà Hoàng Thị L nghĩ chẳng có việc gì xãy ra nên bà Hoàng Thị L chủ quan ký tên vào giấy vay tiền, người cho vay là ông N-bà H. Tổng số tiền bà Hoàng Thị L vay 2 lần là 150.000.000 đồng. Sau đó 10 ngày bà H đòi nợ, bà Hoàng Thị L trả cho bà Hoài 30.000.000 đồng tiền gốc và 35.000.000 tiền lãi vì bà Hoàng Thị L nhận tiền của ai thì bà L trả cho người đó.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị L thừa nhận có vay của ông N-bà H số tiền 150.000.000 đồng (hai lần) đúng như ông N-bà H và bà B trình bày, hai bên có ký vào giấy vay tiền; bà L đã trả cho ông N-bà H số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 35 triệu đồng; số tiền gốc còn lại bà L sẽ trả cho ông N-bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B (tên gọi khác là H) trình bày: Tên chính thức của bà B là Trần Thị B, ở thôn thường gọi bà B là H (bà B và bà H là một người). Bà Trần Thị B có quen biết bà L, nên bà L hỏi mượn tiền bà B để về cho con bà L đáo hạn tiền vay Ngân hàng. Bà B không có tiền cho vay nên bà B có nói với bà L có người cho mượn là ông N-bà H, bà L nhất trí. Bà B chứng kiến việc ông N-bà H giao dịch việc vay mượn (tại nhà bà B), bà B không đưa tiền cho bà L, bà B không phải là người cho bà L vay tiền; tiền ông N-bà H và bà L giao dịch với nhau. Sau đó bà L có đưa cho bà B 30.000.000 đồng tiền gốc để trả cho ông N-bà H, bà B đưa số tiền này cho ông N-bà H. Từ đó bà B không liên quan gì với bà L nữa.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H thừa nhận bà H và bà Trần Thị B là một người; bà H không biết và không liên quan gì đến số tiền vay giữa bà L và ông N-bà H.

Tại phiên tòa các nguyên đơn không rút, bổ sung, thay đổi nội dung khởi kiện; bị đơn bà L thừa nhận có vay tiền của ông N-bà H và hứa sẽ trả lại cho ông N-bà H số tiền gốc còn lại chưa trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là bà Hoàng Thị L cư trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Q nên Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Việc vay mượn tiền giữa bà L và ông N-bà H, hai bên thỏa thuận trong vòng 01 tháng sẽ trả nợ, từ khi cho vay đến khi khởi kiện ông N-bà H luôn yêu cầu bà L trả nợ, nhưng vì điều kiện bà L làm ăn khó khăn nên chưa trả được

nợ, nguyên đơn và bị đơn điều công nhận như vậy, do đó Hội đồng xét xử kết luận thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

[2]Về giải quyết yêu cầu của đương sự;

[2.1]Xét trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn thấy rằng: Ngày 03/10/2020, bà Hoàng Thị L vay của ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn (đi biển). Ngày 14/11/2020 bà L tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả. Ngày 21/12/2020 bà L có trả cho ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H số tiền gốc 30.000.000 đồng và ngày 29/5/2021 bà L trả thêm 4.000.000 đồng tiền gốc; tổng số tiền gốc bà L đã trả là 34.000.000 đồng. Bà L cho rằng đã trả thêm số tiền lãi 35.000.000 đồng (bà H thừa nhận trong số tiền bà L trả bà H chỉ thừa nhận bà H có nhận thêm 4.000.000 đồng vào ngày 29/5/2021 tiền gốc chứ không phải tiền lãi) là không đúng . Đến thời điểm hiện nay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Nay ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H khởi kiện yêu cầu bà L trả số nợ gốc chưa trả là 116.000.000 đồng; không tính lãi suất. Hai bên có lập 02 Giấy mượn tiền trong hai ngày nêu trên, có chữ ký của bên cho vay là ông Lại Tấn N-Đào Thị H và bên vay là bà Hoàng Thị L (bản gốc); bị đơn bà L thừa nhận có ký vào hai giấy mượn tiền này. Trong giấy vay đề ngày 14/11/2020, ông N-bà H có ghi số tiền bà L trả 30.000.000 đồng ngày 21/12/2020. Hai Giấy vay tiền này là hợp pháp, không nhầm lẫn, không gian dối, không ép buộc, hoàn toàn tự nguyện.

[2.2] Xét trình bày của bị đơn bà Hoàng Thị L thấy rằng: Bà Hoàng Thị L ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H. Nếu có liên quan về việc vay tiền thì bà Hoàng Thị L liên quan đến bà H (tức là bà Trần Thị B), vì bà Hoàng Thị L nhận tiền tại nhà bà H chứ không nhận tiền của ông N-bà H. Khi bà Hoàng Thị L nhận tiền xong thì bà H đưa cho bà Hoàng Thị L tờ giấy vay tiền ghi tên người cho vay là ông N-bà H. Bà Hoàng Thị L hỏi bà H sao lấy tiền của bà H mà giấy vay của người khác, thì bà H trả lời với bà L đó là tiền của vợ chồng anh, chị ở Đ (ông N-bà L) bảo bà H đem về ngoài thôn để cho vay lấy lãi. Bà Hoàng Thị L nghĩ chẳng có việc gì xãy ra nên bà Hoàng Thị L chủ quan ký tên vào giấy vay tiền, người cho vay là ông N-bà H. Tổng số tiền bà Hoàng Thị L vay 2 lần là 150.000.000 đồng. Sau đó 10 ngày bà H đòi nợ, bà Hoàng Thị L trả cho bà H 30.000.000 đồng tiền gốc và 35.000.000 tiền lãi vì bà Hoàng Thị L nhận tiền của ai thì bà L trả cho người đó.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị L thừa nhận có vay của ông N-bà H số tiền 150.000.000 đồng (hai lần) đúng như ông N-bà H trình bày, hai bên có ký vào giấy vay tiền; bà L đã trả cho ông N-bà H số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 35 triệu đồng; số tiền gốc còn lại bà L sẽ trả cho ông N-bà H. Như vậy, bà L thừa nhận có vay của ông N-bà H số tiền 150.000.000 đồng; bà L thừa nhận có ký tên vào hai Giấy vay tiền nêu trên. Bà L thừa nhận đã trả lại cho ông N-bà L 30.000.000 đồng tiền gốc.

Xét về số tiền lãi đã trả theo trình bày của bà L: Bà L có cung cấp một bản sao từ Sổ ghi nợ của bà L (không có bản gốc để đối chiếu và không có xác nhận), trong đó khi: 16/1/2021 trả X tiền lãi 2 lần 18 triệu (Gốc 30 triệu); 19/2/2021 trả H+X 5 triệu; 17/3 âm lịch B đưa cho X 5 triệu; tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên ý kiến về khoản tiền lãi. Theo ông N-bà H thì phần ghi này do bà L tự ghi thêm, thực tế là không có nên không thừa nhận; bà B cũng không thừa nhận bà L có trả cho ông N-bà H và bà B số tiền 35.000.000 đồng tiền lãi, phần ghi thêm không đúng sự thật. Do vậy, tài liệu,

chứng cứ này do bà L cung cấp không có giá trị pháp lý, không cơ sở để kết luận bà L đã trả cho ông N-bà H số tiền lãi 35.000.000 đồng. Trong tài liệu này bà H chỉ thừa nhận bà H có ghi ngày 29/5/2021 dương bà H nhận 4.000.000 đồng, đây là tiền gốc chứ không phải trả lãi, nên có cơ sở chấp nhận bà H đã nhận thêm số tiền gốc 4.000.000 đồng, tổng số tiền gốc đã nhận là 34.000.000 đồng. Bà L không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đã trả số tiền 35.000.000 đồng tiền lãi cho ông N-bà H.

[2.3] Xét trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B thấy rằng: Tên chính thức của bà B là Trần Thị B, ở thôn thường gọi bà B là H (bà B và bà H là một người). Bà Trần Thị B có quen biết bà L, nên bà L hỏi mượn tiền bà B để về cho con bà L đáo hạn tiền vay Ngân hàng. Bà B không có tiền cho vay nên bà B có nói với bà L có người cho mượn là ông N-bà H, bà L nhất trí. Bà B chứng kiến việc ông N-bà H giao dịch việc vay mượn (tại nhà bà B), bà B không đưa tiền cho bà L, bà B không phải là người cho bà L vay tiền; tiền ông N-bà H và bà L giao dịch với nhau. Sau đó bà L có đưa cho bà B 30.000.000 đồng để trả cho ông N-bà H, bà B đưa số tiền này cho ông N-bà H; bà B không nhận số tiền 35.000.000 đồng tiền lãi, như bà L trình bày. Bà B không liên quan gì với số tiền bà L vay của ông N-bà H. Như vậy, bà B thừa nhận việc giao dịch vay tiền tiến hành giữa ông N-bà H và bà L; bà B không cho bà L vay tiền vào hai ngày nêu trên; bà B không thừa nhận lời trình bày của bà L về số tiền trả tiền lãi.

[2.4]Xét trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị H: Bà H thừa nhận bà H và bà Trần Thị B là một người; bà H không biết và không liên quan gì đến số tiền vay giữa bà L và ông Nhân-bà H.

[3]Từ những nhận định tại [2.1,2.2.2.3, 2.4) Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Nguyên đơn ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H yêu cầu bà Hoàng Thị L trả lại số tiền gốc chưa trả 116.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước; ông N và bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463,465,466,468,470 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H: xử buộc bà Hoàng Thị L trả nợ cho ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H số tiền gốc: 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng).

2.Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị L phải chịu 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 0002638 ngày 01/11/2022.

Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2023) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết tiền nợ gốc, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ số nợ gốc còn phải trả cho ông Lại Tấn N và bà Đào Thị H cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định để trả cho bên được thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2023).

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch(2 bản);
-Ông Lại Tấn N/ bà H;
-Bà Hoàng Thị L;
-Những người tham gia TT khác;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- -Lưu hồ sơ vụ án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân